TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 11/2018/QĐST-HNGĐ	*Quận X, ngày 04 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 669/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017, giữa:

- Ông Đặng Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: xã T, thị xã X, tỉnh Bình Phước; tạm trú: đường M, Khu phố H, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: xã T, thị xã X, tỉnh Bình Phước; tạm trú: Khu phố H, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 370, Điều 371 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2017;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận ký kết hôn số 33/2014, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 16/5/2014 không còn giá trị pháp lý).

Về con chung: Ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị N có một con chung là Đặng Nguyễn Khánh P (Nữ), sinh ngày 06/10/2014.

Sau khi ly hôn bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đặng Nguyễn Khánh P, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: các đương sự khai không có.

Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị N cùng chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số AA/2017/0024517 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, ông T và bà N đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận X;
- Chi cục THADS Quận X;
- UBND xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu. (TK Thơm)

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Phơ